

Bản án số: **27/2020/HS-ST**

Ngày 22 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hữu Việt

*Thẩm phán:* Ông Nguyễn Minh Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Lê Kiên, bà Trịnh Hồng Hạnh, ông Trần Đức Luân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa:**  
Ông Đinh Quốc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn T**, sinh ngày 10/12/1986 tại tỉnh Tuyền Quang;

Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyền Quang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ đoàn thể: Không; con ông Vũ Mộng D, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1952 (đã chết); anh chị em ruột: 7 người, bị cáo là thứ 7; có vợ Ma Thị D và 02 con, con lớn 11 tuổi, con nhỏ 03 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyền Quang.

**- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T:** Ông Lê Quý Thành và bà Trần Thị Kim Oanh, Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Hà Ngân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyền Quang (có mặt).

**- Bị hại:** Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyền Quang (có mặt).

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Ma Thị D, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyền Quang (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985;

2. Anh Chu Văn L, sinh năm 1975;

3. Chị Lương Thị T, sinh năm 1983;

4. Anh Vũ Văn A, sinh năm 1978;

5. Anh Vũ Văn S, sinh năm 1976;

6. Anh Lương Văn C, sinh năm 1980;

7. Anh Đỗ Đức H, sinh năm 1993;

Đều trú tại: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

8. Anh Vũ Văn M, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

*(Những người làm chứng trên đều có mặt tại phiên tòa).*

9. Anh Ma Quang T, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(có đơn xin xét xử vắng mặt).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm định tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 26/5/2020, Vũ Văn T, cư trú tại thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cùng Đỗ Văn T3 đến nhà anh Ma Công T2 mua bò về bán (khi đi T mang theo khoảng 87.000.000đ). Tại nhà T2, T gặp anh Vũ Văn M (là anh của T), trong quá trình xem và mua bò, T và anh M thỏa thuận, nhất trí mua chung 02 con bò với giá 30.000.000đ, T là người trả tiền cho anh T2, anh M đưa về nhà mình chăn nuôi khi nào bán thì thanh toán tiền. Sau khi thỏa thuận xong T và anh T3 về nhà anh Nghiêm Văn T4 trú tại thôn L, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Tại đây có anh T4, T, T3 và Nguyễn Đức T5 cùng ăn cơm, uống rượu (hết khoảng 04 lít rượu), sau đó mọi người ra về còn T ở lại chơi.

Khoảng 17 giờ cùng ngày T đi về qua nhà Đỗ Mạnh H (là em họ T), T rủ Hùng đến quán bia hơi nhà anh Nguyễn Văn D cùng thôn uống bia đến khoảng 21 giờ cùng ngày. Sau khi uống bia xong (hết khoảng 04 lít bia), T trả tiền cho D 205.000đ, nhưng do bị say, T tiếp tục trả tiền và cầm ra 01 cục tiền (loại tiền 500.000đ) đặt xuống bàn nói “*Anh sợ em không có tiền trả à*”. Anh D cầm cục tiền, lấy xe mô tô ra cùng anh H đưa T về nhà. Khi đến nhà, D đưa tiền cho chị Ma Thị D (vợ của T) nói “*Cất tiền đi, tiền của thằng T đấy*”, lúc này anh Vũ Văn A (anh trai T) đến, anh H bảo chị D cầm tiền ra nhờ anh A đếm, anh A đếm được 113 tờ có mệnh giá 500.000đ (tổng số tiền là 56.500.000đ), sau khi đếm xong anh A để tiền ở bàn uống nước rồi ra về, anh D và anh H sau đó cũng đi về nhà.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi anh H đang ở nhà ông Lương Văn T6 (cùng thôn) thì T gọi điện thoại cho anh H nói thiếu 20.000.000đ, nên anh H đi đến nhà T, gọi T ra để nói chuyện, T bật đèn mở cổng, H đi vào sân nói “*Tiền nong thế đéo nào anh lại bảo mất tiền*”, T nói “*Tao thiếu 20.000.000đ*”, hai bên nói nhau, xô đẩy nhau. H dùng hai tay đẩy vào ngực T, lúc này T nhìn thấy 01 con dao loại dao liềm dài 48cm, để ở bức tường rào sân cách chỗ T đứng khoảng 2 – 3 mét. T lấy dao đến đứng đối diện với H, cách H khoảng 01 mét, tay phải cầm dao liềm chém một nhát theo hướng từ phải sang trái trúng vào vùng ngực bên phải của H gây thương tích. T thả tay cầm dao ra, H nhặt được dao của T, chém lại 01 nhát trúng vào cánh tay bên trái của T. Sau đó H gục xuống được mọi người đưa đi Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang cấp cứu.

Tại Kết luận giám định số 3345/C09-TT3 ngày 10/7/2020 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận:

1. Dấu vết ghi thu tại hiện trường ở vị trí 01 (ký hiệu A1) là máu người và là máu của Đỗ Mạnh H.

2. Trên con dao liềm ghi thu tại hiện trường ở vị trí 05 (ký hiệu A2) có dính máu người và là dấu vết máu lần của Vũ Văn T và Đỗ Mạnh H.

3. Lưu kiểu gen (ADN) theo hệ Identifiler của Vũ Văn T, Đỗ Mạnh H tại Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an.

Tại Bản kết luận Pháp y về thương tích số 190/2020/TgT ngày 17/8/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tuyên Quang xác định thương tích Đỗ Mạnh H và kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
  - Gãy 03 xương sườn đã kết hợp xương bằng chỉ thép mỗi xương gãy 2%.
  - Tổn thương màng phổi phải: 3%.
  - Tổn thương nhu mô thùy dưới phổi phải: 6%.
  - Tổn thương cơ hoành 21%.
  - Tổn thương nhu mô gan: 31%.
  - Sẹo vùng ngực phải (sẹo vết thương + phần mở rộng vết thương) và hai sẹo phẫu thuật vùng bụng mỗi sẹo 3%.
  - 03 sẹo dẫn lưu mỗi sẹo 1%

2. Cơ chế, vật gây thương tích: Thương tích vùng ngực phải là do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây nên. Sẹo phẫu thuật và sẹo dẫn lưu là can thiệp y tế.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 59% (*Năm mươi chín phần trăm*) theo phương pháp cộng lùi.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-P2 ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vũ Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “*Giết người*”

Căn cứ vào: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 54; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 27/5/2020.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy các tang vật chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Văn T đã tác động gia đình, chị Ma Thị D (vợ của T) đã thanh toán toàn bộ chi phí cứu chữa và bồi thường cho bị hại Đỗ Mạnh H tổng số tiền là 139.100.000đ (*Một trăm ba chín triệu một trăm nghìn đồng*), anh H không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên không xem xét tiếp.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Hai Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm điểm e và các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết bị hại có lỗi nên bị cáo không phạm tội thuộc trường hợp còn đồ, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ xử bị cáo 05 năm tù bằng  $\frac{3}{4}$  so với mức án thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

Bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa của Luật sư và không có ý kiến bổ sung.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Vũ Văn T nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như ý kiến bào chữa của Luật sư.

Bị hại và người liên quan có ý kiến đề nghị cho bị cáo được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

## **[2] Về nội dung vụ án, tội danh và áp dụng pháp luật:**

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra; tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 26/5/2020, tại nhà của Vũ Văn T sau khi say rượu được anh H cùng anh D đưa về, đã gọi điện cho anh H kêu mất tiền, làm anh H quay lại đôi co, gây mâu thuẫn cá nhân, Vũ Văn T đã có hành vi, dùng tay phải cầm 01 con dao liềm dài 48cm chém 01 phát vào ngực phải anh Đỗ Mạnh H gây thương tích hở cho nội tạng và nhiều bộ phận cơ thể nạn nhân, do cấp cứu nên không gây hậu quả chết người, kết quả giám định gây tổn hại 59% (*Năm mươi chín phần trăm*) sức khỏe.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Giết người” thuộc trường hợp “phạm tội có tính chất côn đồ” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

**[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đường lối xử lý đối với bị cáo:** Bị cáo trước khi phạm tội không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và phạm tội do lỗi cố ý.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo trích dẫn hành vi của bị hại du đẩy vào người bị cáo, do bị cáo say rượu không làm chủ dẫn đến phạm tội, nên không áp dụng tình tiết định khung điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử bị cáo 05 năm tù.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người say rượu, được bị hại và anh D đưa về tận nhà, giao tiền cho anh A đếm và cất giữ, bị cáo không kiểm tra mà gọi điện cho bị hại, dẫn đến anh H quay lại đôi co cãi và du đẩy nhau là các hành vi liên tiếp gây bức xúc lẫn nhau, trong đó hành vi của bị cáo thực hiện đầu tiên, khởi tạo chuỗi hành vi gây bức xúc lẫn nhau; mặt khác, bị cáo phạm tội trong trạng thái say rượu tuy không bị coi là tình tiết tăng nặng nhưng không thể coi là nguyên nhân khách quan, việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo gây hậu quả có khả năng chết người là đặc biệt nghiêm trọng, không thể coi là hậu quả tất yếu do lỗi của bị hại gây ra, nên ý kiến của Luật sư đề nghị áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự như nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

Việc bị cáo dùng dao chém bị hại bằng 01 động tác có tính bột phát, nhưng hành vi do bị cáo thực hiện gây hậu quả thủng phổi, đứt xương sườn và nhiều tổn thương các bộ phận nội tạng và bộ phận cơ thể khác của bị hại, có khả năng tước

đoạt mạng sống của nạn nhân, do bị hại được cấp cứu kịp thời nên không dẫn đến chết người, đã đủ dấu hiệu phạm tội Giết người. Hành vi của bị cáo gây bất bình trong dư luận xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với hậu quả, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Tuy nhiên, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra Vũ Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đại diện gia đình bị cáo và bản thân bị cáo khắc phục hậu quả, bồi thường tổn thất cho bị hại; bị hại là em họ của bị cáo đã có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, sau khi bị cáo chém 1 nhát vào ngực bị hại, bị cáo không đánh tiếp khi không bị cản trở và có nói với người khác cấp cứu nạn nhân, thể hiện không bỏ mặc bị hại, không có hành vi chống trả người can thiệp, nên bị cáo được coi là phạm tội không quyết liệt, có ý thức hạn chế hậu quả gây ra, góp phần cấp cứu bị hại kịp thời làm hạn chế hậu quả chết người, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và nhân thân tốt, nên có căn cứ áp dụng Điều 15, Điều 54 và Điều 57 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án dưới 3/4 mức án thấp nhất của khung hình phạt đối với trường hợp gây chết người, dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với diễn biến, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội và có tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

#### **[4] Về vật chứng, tài sản tạm giữ:**

Quá trình điều tra thu giữ:

- 01 (một) con dao liềm, chiều dài 48cm, bản rộng nhất 04 cm, có cán bằng kim loại màu xanh – đen, dài 39cm. Dao cũ, han rỉ, đã qua sử dụng.

- 02 (hai) dép nhựa, màu xanh có cùng kích thước (27x09)cm cũ, đã qua sử dụng.

- 01 (một) dép nhựa dạng dép siêu nhẹ, màu xám, chân phải có kích thước (29x11)cm, cũ, đã qua sử dụng.

- Dấu vết màu nâu đỏ thu tại hiện trường; mẫu tóc thu của Vũ Văn T; mẫu tóc thu của Đỗ Mạnh H còn lại sau giám định.

Xét thấy, những vật chứng trên là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo và đồ vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

**[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Sau khi phạm tội, Vũ Văn T đã tác động gia đình đưa bị hại đi cấp cứu, chăm sóc và chi trả toàn bộ chi phí cứu chữa và bồi thường tổng số tiền 139.100.000đ (*Một trăm ba mươi chín triệu một trăm nghìn*

đồng), bị hại đề nghị không bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét tiếp.

[6] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có mặt được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về trách nhiệm hình sự:** Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 54; Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “*Giết người*”.

- Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T **07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/5/2020.

**2. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) con dao liềm, chiều dài 48cm, bản rộng nhất 04 cm, có cán bằng kim loại màu xanh – đen, dài 39cm. Dao cũ, han rỉ, đã qua sử dụng.

- 02 (hai) dép nhựa, màu xanh có cùng kích thước (27x09)cm cũ, đã qua sử dụng.

- 01 (một) dép nhựa dạng dép siêu nhẹ, màu xám, chân phải có kích thước (29x11)cm, cũ, đã qua sử dụng.

- Dấu vết màu nâu đỏ thu tại hiện trường; mẫu tóc thu của Vũ Văn T; mẫu tóc thu của Đỗ Mạnh H còn lại sau giám định.

(*Tình trạng vật chứng như Biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 28/8/2020.*).

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/9/2020).

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Hữu Việt**